

Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Địa chỉ: Tầng 5, Tháp CEO, HH2-1, ĐTM Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101183550

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2017

Bao gồm:

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B01a-DN/HN |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02a-DN/HN |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B03a-DN/HN |
| 4. Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B09a-DN/HN |

HÀ NỘI, THÁNG 7 NĂM 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,477,932,750,438	2,074,641,514,944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	118,447,198,382	121,150,408,600
1. Tiền	111		109,447,198,382	110,150,408,600
2. Các khoản tương đương tiền	112		9,000,000,000	11,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500,000,000	510,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		24,400,000	24,400,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(24,400,000)	(14,400,000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		500,000,000	500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,387,512,536,277	1,326,311,209,468
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	806,013,015,821	718,843,927,327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	191,518,267,244	109,074,059,150
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	52,700,000,000	271,800,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	337,028,016,125	226,339,985,904
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(381,570,000)	(381,570,000)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		634,807,087	634,807,087
IV. Hàng tồn kho	140		948,660,843,074	609,916,571,175
1. Hàng tồn kho	141	V.6	948,660,843,074	609,916,571,175
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,812,172,705	16,753,325,701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	7,143,825,148	3,180,418,305
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,604,890,845	13,569,438,212
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		63,456,712	3,469,184
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,697,988,523,505	1,759,907,684,306
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106,963,533,800	26,961,989,100
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	-	1,347,362,135
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	108,310,895,935	26,961,989,100
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1,347,362,135)	(1,347,362,135)
II. Tài sản cố định	220		1,171,388,871,086	1,105,819,382,942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1,102,588,340,228	1,036,989,624,635
- Nguyên giá	222		1,164,646,634,470	1,084,172,336,615
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62,058,294,242)	(47,182,711,980)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	68,800,530,858	68,829,758,307
- Nguyên giá	228		72,991,765,461	71,774,136,981
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,191,234,603)	(2,944,378,574)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	152,027,233,864	154,809,833,998
- Nguyên giá	231		183,108,578,303	182,221,255,747
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31,081,344,439)	(27,411,421,749)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9,100,781,146	191,585,684,191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	9,100,781,146	191,585,684,191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3,200,000,000	1,600,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,200,000,000	1,600,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		255,308,103,609	279,130,794,075
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	77,277,612,455	90,035,555,998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10,747,105,730	8,232,470,955
3. Lợi thuế thương mại	269	V.12	167,283,385,424	180,862,767,122
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,175,921,273,943	3,834,549,199,250

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,605,999,180,188	2,267,972,420,308
I. Nợ ngắn hạn	310		1,428,549,895,281	1,220,200,386,810
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	124,037,653,173	151,417,470,673
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	570,214,158,390	401,652,584,444
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	53,304,986,648	98,316,283,389
4. Phải trả người lao động	314		11,591,546,969	10,567,912,085
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16a	26,911,951,208	27,641,370,862
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	14,422,427,532	14,213,552,946
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	249,374,905,197	81,796,935,343
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	316,269,182,319	395,643,645,445
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1,688,943,850	1,688,943,850
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		60,734,139,995	37,261,687,773
II. Nợ dài hạn	330		1,177,449,284,907	1,047,772,033,498
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.16b	75,723,565,512	75,723,565,512
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	124,307,872,903	112,907,399,131
3. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	6,543,212,218	6,436,223,033
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	969,130,161,490	850,960,373,038
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,744,472,784	1,744,472,784
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	1,569,922,093,755	1,566,576,778,942
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,569,922,093,755	1,566,576,778,942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,029,359,940,000	1,029,359,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,029,359,940,000	1,029,359,940,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		93,188,071,407	65,703,471,180
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105,575,294,337	191,523,873,400
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35,602,058,519	34,540,876,886
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69,973,235,818	156,982,996,514
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		341,798,788,011	279,989,494,362
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,175,921,273,943	3,834,549,199,250

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Giám đốc







Hoàng Thị Nhung

Đỗ Thị Thơm

Văn Tố

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Quý 2 năm 2017
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B 01a - DN/HN

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	211,125,726,601	357,598,107,058	604,951,604,908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		211,125,726,601	357,598,107,058	604,951,604,908
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	168,588,933,855	246,487,984,231	404,571,366,794
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42,536,792,746	111,110,122,827	200,380,238,114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	111,057,953,914	2,389,210,816	3,218,156,656
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25,627,674,931	21,233,009,025	33,497,779,412
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25,685,341,099	20,894,993,167	33,496,057,013
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0	
9. Chi phí bán hàng	25		19,318,948,004	7,581,997,767	14,322,333,029
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		28,395,317,849	25,305,760,087	47,199,828,158
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80,252,805,876	59,378,566,764	108,578,454,171
12. Thu nhập khác	31		843,039,066	204,699,840	288,520,440
13. Chi phí khác	32		107,882,232	1,677,314,079	1,891,126,311
14. Lợi nhuận khác	40		735,156,834	(1,472,614,239)	(1,602,605,871)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		80,987,962,710	57,905,952,525	106,975,848,300
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5a	21,892,501,889	9,454,393,284	20,212,447,028
17. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.5b	(2,083,311,866)	1,535,367,430	1,197,753,028
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61,178,772,687	46,916,191,811	85,565,648,244
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		34,004,360,629	30,314,147,214	52,054,841,978
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		27,174,412,057	16,602,044,597	33,510,806,266



Kế toán trưởng

[Signature]

Đỗ Thị Thơm

Người lập

[Signature]

Hoàng Thị Nhung

Mẫu số B 03a - DN/TTN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	149,953,058,082	106,975,848,300
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ	02	22,068,589,153	21,071,995,259
- Các khoản dự phòng	03	10,000,000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(60,337,533)	(16,396,341)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(181,443,579,540)	(3,195,923,177)
- Chi phí lãi vay	06	59,443,917,810	33,496,057,013
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	49,971,647,972	158,331,581,054
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(46,555,927,554)	(233,689,058,362)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(338,744,271,899)	172,131,403,924
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	224,250,210,979	136,511,138,952
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8,794,536,700	(1,586,613,226)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(51,399,528,237)	(32,671,835,355)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64,279,842,957)	(40,263,995,359)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(217,963,174,996)	158,762,621,628
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45,298,887,266)	(231,398,716,354)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	506,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(148,200,000,000)	(202,650,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	367,300,000,000	34,200,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1,600,000,000)	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26,561,946,005	2,904,547,611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	199,269,058,739	(396,944,168,743)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	64,111,799,597	343,119,980,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	421,616,093,039	205,322,937,598
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(395,289,964,595)	(170,961,081,606)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74,455,450,040)	(104,376,596,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15,982,478,001	273,105,239,592
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(2,711,638,256)	34,923,692,477
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	121,150,408,600	44,726,779,101
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8,428,038	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	118,447,198,382	79,650,471,578

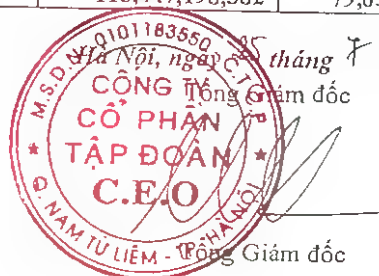
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Hoàng Thị Nhung

Đỗ Thị Thơm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O tiền thân là Công ty TNHH Thương mại, Xây dựng và Công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102003701 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016491 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 03 năm 2007, và các lần thay đổi. Từ ngày 27 tháng 05 năm 2015, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101183550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 05 năm 2015.

Ngày 29 tháng 09 năm 2014, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CEO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 05 năm 2016 là 1.029.359.940.000 đồng. Tổng số cổ phần là 102.935.994 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O có tất cả 09 công ty con. Cụ thể bao gồm:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH C.E.O Quốc tế	Hà Nội	100.00%	Xây dựng nhà các loại, cung cấp dịch vụ ăn uống, giáo dục...
2	Công ty CP Xây dựng C.E.O	Hà Nội	51.00%	Xây dựng nhà, khu công nghiệp, kinh doanh bất động sản...
3	Công ty CP Phát triển dịch vụ C.E.O	Hà Nội	51.00%	Xuất khẩu lao động, đào tạo các ngành nghề kinh doanh bất động sản...
4	Trường cao đẳng Đại Việt	Bắc Ninh	100.00%	Đào tạo các ngành nghề kế toán DN sản xuất, DN thương mại ...
5	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phú Quốc	Kiên Giang	60.00%	Kinh doanh khách sạn, resort, khu vui chơi, kinh doanh bất động sản...
6	Công ty CP Đầu tư BMC - C.E.O	Hà Nội	87.76%	Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà, khu công nghiệp...
7	Công ty CP Du lịch C.E.O	Hà Nội	51.00%	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống tổ chức tour du lịch...
8	Công ty CP phát triển nhà và đô thị Phú Quốc	Kiên Giang	75.92%	Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất...
9	Công ty TNHH MTV Khách sạn và nghỉ dưỡng C.E.O	Kiên Giang	100.00%	Nhà hàng, dịch vụ lưu trú ngắn ngày...

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết : Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; quy hoạch, thiết kế kiến trúc công trình; tư vấn khảo sát xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Chi tiết Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, máy may, da giày, Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu(trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng các công trình đường bộ, đường sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; khai thác quặng sắt;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Dạy nghề; Đào tạo Cao đẳng (chỉ hoạt động sau khi được cơ Quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Sản giao dịch bất động sản; Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Đầu giá bất động sản (Chỉ hoạt động theo chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo Pháp luật); Định giá bất động sản; Môi giới bất động sản; Tư vấn bất động sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf;
- Sản xuất linh kiện xe ô tô và các sản phẩm công nghiệp khác; sản xuất các thiết bị bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, thiết bị điện (điện thoại, máy fax, phần cứng và phần mềm máy tính);
- Kinh doanh dịch vụ hội nghị, hội thảo, kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại, đầu tư kinh doanh cho thuê văn phòng;
- Đào tạo trình độ Đại học (Chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đào tạo ngoại ngữ, tin học;
- Đầu tư xây dựng các công trình điện, nước, đầu tư xây dựng nhà, khu công nghiệp, khu du lịch và các khu vui chơi giải trí;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách, dịch thuật; Trang trí nội, ngoại thất;
- Sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị điện tử, điện, nước, sản phẩm cơ khí, viễn thông; xây dựng trong lĩnh vực bưu chính viễn thông; xây dựng dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng; Buôn bán trang thiết bị bưu chính, viễn thông;
- Tư vấn khảo sát xây dựng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, giày dép;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, kinh doanh khách sạn, nhà hàng bất động sản;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xây dựng, công nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); và
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa, tư vấn đầu tư;
(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật).

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động bất động sản được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng. Các hoạt động xây lắp và cung cấp dịch vụ có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khác hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 47
Phương tiện vận tải	05 - 09
Máy móc thiết bị	03 - 04
Thiết bị văn phòng	02 - 05
Tài sản cố định khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán, nhãn hiệu hàng hóa quốc tế và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phần mềm máy tính	03-08
Nhãn hiệu tên thương mại,	05
Bản quyền, bằng sáng chế	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Tòa tháp CEO, HH2-1, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 46 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí thuê văn phòng của Tập đoàn Lạc Việt được phân bổ trong thời gian 44 năm, chi phí thuê văn phòng của Tổng Công ty xây lắp dầu khí Việt Nam được phân bổ trong thời gian 6 năm.

Chi phí thuê văn phòng để phục vụ hoạt động đào tạo cho trường Cao đẳng Đại Việt được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 47,5 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán

của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, HN

Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	22,588,154,232	7,127,447,110
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86,858,904,676	103,022,961,490
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	9,000,000,000	11,000,000,000
Tiền đang chuyển	139,474	
Cộng	118,447,198,382	121,150,408,600

2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty cổ phần đầu tư tư vấn Thành Nam	-	289,262,000
Công ty TNHH Gia Thịnh Phát Phú Quốc	-	1,006,278
Công ty TNHH MTV Đầu tư Trang Nguyễn Phú Quốc	62,327,500,000	70,827,500,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Lăng Gia Phú Quốc	49,079,200,000	49,079,200,000
Công ty TNHH MTV Quốc tế Đỗ Gia Phú Quốc	32,100,420,000	32,100,420,000
Công ty TNHH MTV Thu Hoài Phú Quốc	48,648,900,000	48,648,900,000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Quang Tiến Phú Quốc	25,179,000,000	29,670,000,000
Công ty TNHH MTV BĐS và du lịch VGC Phú Quốc	9,860,056,744	-
Công ty CP kỹ thuật Sigma	4,842,590,319	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	573,975,348,758	488,227,639,049
Cộng	806,013,015,821	718,843,927,327

b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Công ty Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Việt Nam	-	500,000,000
Viện nhiệt đới - trường ĐH Kiến trúc Hà Nội	-	421,918,000
Công ty PALAFOX ASOCIATES	-	425,444,135
Cộng	-	1,347,362,135

3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Liên Minh	23,345,417,658	49,537,948,903
Công ty Cổ phần Bê tông đúc sẵn Thăng Long	13,194,689,338	11,756,116,568
Công ty TNHH Thang máy Mitsubishi Việt Nam		5,069,658,430
Công ty TNHH MTV Ngôi Sao Xanh Đông Đô	40,000,000,000	-
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bảo Nguyên	27,500,000,000	-
Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình	18,304,906,397	-
Công ty TNHH MTV Thu Hoài Phú Quốc	18,000,000,000	-
Trả trước cho các đối tượng khác	51,173,253,851	42,710,335,249
Cộng	191,518,267,244	109,074,059,150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

4 Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Cho vay cá nhân	52,700,000,000	271,800,000,000
Cộng	52,700,000,000	271,800,000,000
5 Phải thu khác	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ	59,196,705,652	110,637,450,000
Tạm ứng	38,343,854,444	6,630,678,535
Phải thu về hoạt động môi giới Bất	-	41,555,603,758
Tiền bồi thường hỗ trợ và tái định cư	-	63,729,933,000
Phải thu ngắn hạn khác	239,487,456,029	3,786,320,611
Cộng	337,028,016,125	226,339,985,904
b. Dài hạn		
Ban đền bù GPMB Quốc Oai	25,700,000,000	25,700,000,000
Phải thu dài hạn khác	82,610,895,935	1,261,989,100
Cộng	108,310,895,935	26,961,989,100
6 Hàng tồn kho	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguyên vật liệu	19,864,765,310	1,259,671,104
Công cụ dụng cụ	12,367,363,212	118,670,206
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	910,085,139,101	598,274,036,498
Thành phẩm	497,556,759	497,556,759
Hàng hóa	5,846,018,692	9,766,636,608
Cộng	948,660,843,074	609,916,571,175
7 Chi phí trả trước	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	2,426,082,209
Chi phí bảo hiểm	-	66,323,687
Chi phí thuê văn phòng	-	616,332,137
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7,143,825,148	71,680,272
Cộng	7,143,825,148	3,180,418,305
b. Dài hạn		
Trả trước tiền thuê văn phòng	29,559,427,835	37,292,360,140
Công cụ dụng cụ xuất dùng	32,360,990,381	48,503,448,011
Chi phí trả trước dài hạn khác	15,357,194,239	4,239,747,847
Cộng	77,277,612,455	90,035,555,998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

8 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục

NGUYỄN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	1,004,542,485,970	31,904,402,255	40,294,856,946	5,460,274,439	1,970,317,005	1,084,172,336,615
Mua trong kỳ	1,412,850,986	2,713,090,909	1,433,424,416	976,583,418	355,454,545	6,891,404,274
Đầu tư XD/CB hoàn thành	75,883,277,230	-	-	-	-	75,883,277,230
Tặng khác	98,527,929	94,854,446	-	-	-	193,382,375
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,395,238,095)	-	-	-	(2,395,238,095)
Giảm khác	-	-	-	(98,527,929)	-	(98,527,929)
Tại ngày 30/06/2017	1,081,937,142,115	32,317,109,515	41,728,281,362	6,338,329,928	2,325,771,550	1,164,646,634,470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	23,539,570,223	10,510,873,916	8,869,101,170	2,419,883,152	1,843,283,519	47,182,711,980
Khấu hao trong kỳ	11,822,421,362	1,881,427,590	2,821,112,023	474,105,115	176,899,818	17,175,965,908
Tặng khác	98,527,929	94,854,446	-	-	-	193,382,375
Thanh lý, nhượng bán	-	(2,395,238,095)	-	-	-	(2,395,238,095)
Giảm khác	-	-	-	(98,527,927)	-	(98,527,927)
Tại ngày 30/06/2017	35,460,519,514	10,091,917,857	11,690,213,193	2,795,460,340	2,020,183,337	62,058,294,241
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2017	981,002,915,747	21,393,528,339	31,425,755,776	3,040,391,287	127,033,486	1,036,989,624,635
Tại ngày 30/06/2017	1,046,476,622,601	22,225,191,658	30,038,068,169	3,542,869,588	305,588,213	1,102,588,340,228

9 Tài sản cố định vô hình

NGUYỄN GIÁ

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Nhãn hiệu, tên thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
Tại ngày 01/01/2017	62,518,508,720	436,700,472	267,227,596	8,551,700,193	71,774,136,981
Mua trong kỳ	-	1,217,628,480	-	-	1,217,628,480
Tại ngày 30/06/2017	62,518,508,720	1,654,328,952	267,227,596	8,551,700,193	72,991,765,461
Tại ngày 01/01/2017	1,289,536,616	296,827,876	267,227,596	1,090,786,586	2,944,378,674
Khấu hao trong kỳ	668,785,465	578,070,464	-	-	1,246,855,929
Tại ngày 30/06/2017	1,958,322,081	874,898,340	267,227,596	1,090,786,586	4,191,234,603
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	61,228,972,104	139,872,596	-	7,460,913,607	68,829,758,307
Tại ngày 30/06/2017	60,560,186,639	779,430,612	-	7,460,913,607	68,800,530,858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

10 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	178,813,687,747	3,407,568,000	182,221,255,747
Tăng trong kỳ	887,322,556	-	887,322,556
Tại ngày 30/06/2017	179,701,010,303	3,407,568,000	183,108,578,303
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	27,411,421,749	-	27,411,421,749
Trích khấu hao trong kỳ	3,669,922,690	-	3,669,922,690
Tại ngày 30/06/2017	31,081,344,439	-	31,081,344,439
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	151,402,265,998	3,407,568,000	154,809,833,998
Tại ngày 30/06/2017	148,619,665,864	3,407,568,000	152.027,233,864

11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công trình Trường cao đẳng Đại Việt	4,184,389,474	-
TT đào tạo công nghệ cao Đại Việt - Láng Hòa Lạc	709,349,703	709,349,703
Dự án Quốc Oai	1,299,353,455	813,131,818
Nhà tiện ích và hồ bơi khu 96 Villa	-	47,879,309,224
Dự án xây dựng Codotel - Bãi Trường, Phú Quốc	-	141,332,300,000
Dự án khác	2,907,688,514	851,593,446
Cộng	9,100,781,146	191,585,684,191

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, HN

Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần xây dựng (Cotec)	2,315,467,894	46,111,486,654
Công ty CP kỹ thuật Sigma	-	10,431,889,086
Công ty TNHH MTV phát triển BĐS và du lịch VGC Phú Quốc	9,960,968,114	7,065,638,923
Công ty CP Cấp điện và hệ thống LS-Vina	-	6,074,291,433
Công ty CP đầu tư xây dựng Phục Hưng số 7	3,766,135,250	-
Phải trả ngắn hạn khác	107,995,081,915	81,734,164,577
Cộng	124,037,653,173	151,417,470,673

14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tăng Khánh An	-	22,075,534,059
Công ty TNHH MTV Phát triển Bất động sản và Du lịch VGC Phú Quốc	-	13,701,160,000
Võ Thanh Hải	-	6,944,497,230
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ sản xuất Tăng Vinh	39,287,794,536	-
Nguyễn Ngọc Tiền	19,734,264,028	-
Người mua khác	511,192,099,826	358,931,393,155
Cộng	570,214,158,390	401,652,584,444

15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Các khoản phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	17,649,145,840	32,760,105,526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32,154,964,712	60,465,014,292
Thuế thu nhập các nhân	1,854,776,468	3,642,287,544
Các loại thuế khác	1,646,099,628	1,448,876,027
Cộng	53,304,986,648	98,316,283,389

16 Chi phí phải trả

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	1,155,171,575	5,365,304,462
Trích trước chi phí công trình - ĐA Chi đồng	14,848,551,400	14,848,551,400
Chi phí phải trả của khách sạn Novotel	5,719,964,734	4,477,647,597
Trích trước chi phí khác	5,188,263,499	2,949,867,403
Cộng	26,911,951,208	27,641,370,862
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất tạm tính cho các lô BĐS đã bán	75,723,565,512	75,723,565,512
Cộng	75,723,565,512	75,723,565,512

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09/a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

17 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê tháp C.E.O	14,286,482,077	14,186,280,219
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	135,945,455	27,272,727
Cộng	14,422,427,532	14,213,552,946
b. Dài hạn		
Doanh thu chưa thực hiện hoạt động cho thuê tháp C.E.O	106,061,200,150	112,907,399,131
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	18,246,672,753	
Cộng	124,307,872,903	112,907,399,131

18 Phải trả khác

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	759,052,486	842,167,037
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,193,791,040	910,483,540
Cổ tức lợi nhuận phải trả	102,935,994,000	24,000,000,000
Công ty TNHH BĐS Đảo Vàng	47,923,261,237	40,849,727,601
Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Phú Quốc	54,600,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		13,069,738,326
Phải trả ngắn hạn khác	37,962,806,434	2,124,818,839
Cộng	249,374,905,197	81,796,935,343
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	3,236,171,679	3,397,419,841
Bảo trì dự án Chi Đông	1,315,788,903	1,315,788,903
Phải trả dài hạn khác	1,991,251,636	1,723,014,289
Cộng	6,543,212,218	6,436,223,033

19 Vay và nợ thnê tài chính.

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a Ngắn hạn		
Vay ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân	296,160,123,919	369,565,347,045
Vay cá nhân	19,110,100,000	25,079,340,000
Công ty CP đầu tư phát triển Nhà Hoàng Hải Phú Quốc	998,958,400	998,958,400
Cộng	316,269,182,319	395,643,645,445
b Dài hạn		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Vay ngân hàng BIDV - CN Thanh Xuân	969,130,161,490	850,960,373,038
Cộng	969,130,161,490	850,960,373,038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

20 Vốn chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
Số dư tại ngày 01/01/2017	1,029,359,940,000	65,703,471,180	191,523,873,400	279,989,494,362	1,566,576,778,942	VND
Vốn góp tăng trong kỳ				64,111,799,597	64,111,799,597	
Tặng khác			1,021,635,090		1,021,635,090	
Lợi nhuận tăng trong kỳ			69,973,235,816	46,525,276,663	116,498,512,479	
Phân phối lợi nhuận		27,484,600,227	(27,484,600,227)			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi			(14,767,032,965)	(5,036,782,611)	(19,803,815,576)	
Trích quỹ khen thưởng Ban giám đốc			(11,755,822,777)		(11,755,822,777)	
Giảm khác						
Trả cổ tức			(102,935,994,000)	(43,791,000,000)	(146,726,994,000)	
Số dư ngày 31/12/2016	1,029,359,940,000	93,188,071,407	105,575,294,337	341,798,788,011	1,569,922,093,755	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BCKQKD HỢP NHẤT

1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hoá	13,630,801,455	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	104,149,906,550	282,757,724,463
Doanh thu cung cấp dịch vụ	93,345,018,596	74,840,382,595
Cộng	211,125,726,601	357,598,107,058
2 Giá vốn hàng bán	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá	13,278,824,903	-
Giá vốn kinh doanh bất động sản	75,652,433,474	210,841,132,564
Giá vốn cung cấp dịch vụ	79,657,675,478	35,646,851,667
Cộng	168,588,933,855	246,487,984,231
3 Doanh thu hoạt động tài chính	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,928,972,059	2,366,977,337
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	18,118,740
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70,766,311	4,114,739
Doanh thu hoạt động tài chính khác	106,058,215,544	-
Cộng	111,057,953,914	2,389,210,816
4 Chi phí tài chính	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	25,685,341,099	21,231,286,626
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1,722,399
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	10,000,000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	(67,666,168)	-
Cộng	25,627,674,931	21,233,009,025
5 Chi phí thuế Thu nhập	Quý này năm nay	Quý này năm trước
	VND	VND
a Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	21,892,501,889	9,454,393,284
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	21,892,501,889	9,454,393,284
b Chi phí thuế TNDN hoãn lại		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN C.E.O

Tầng 5 tháp C.E.O, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Trì, Q. Nam Từ Liêm, HN

Tel: (84-4) 37 875 136 Fax: (84-4) 37 875 137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm tài chính 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

(2,083,311,866) 1,535,367,430

Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại

(2,083,311,866) 1,535,367,430

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu

Hoàng Thị Nhung

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

